

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH TRỊ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17-5-2024

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Mai.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lâm Thị Loan Em.

Ông Lâm Quang Toàn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Huỳnh Ni, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024, về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Chúc M, sinh ngày 11/11/1993; Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin vắng).

- Bị đơn: Ông Lê Hoàng S, sinh ngày 15/02/1989; Địa chỉ: Ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 19/3/2024 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Chúc M trình bày: Bà và ông S tự nguyện sống chung với nhau, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 04/5/2021. Vợ chồng có một người con chung là Lê Nguyễn Hoàng M1, sinh ngày 10/3/2022. Trong thời gian sống chung vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên mâu thuẫn cãi vã và nhiều lần hàn gắn không có kết quả. Do đó bà đã sống ly thân được gần 01 năm, thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên muốn kết thúc mối quan hệ với ông S. Bà yêu cầu ly hôn với ông S và được nuôi con chung Lê Nguyễn Hoàng M1 đến trưởng thành, không

yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Các vấn đề về nợ chung và tài sản chung thì không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Lê Hoàng S vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M được ly hôn với ông S và giao con chung Lê Nguyễn Hoàng M1 cho bà M nuôi dưỡng, các vấn đề khác không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà M khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và bị đơn vắng mặt không lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà M và ông S tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, bà M có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và đến nay không có yêu cầu rút đơn khởi kiện. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau nhưng thực tế giữa bà M với ông S không sống chung với nhau, ông S đã được thông báo về việc bà M khởi kiện yêu cầu ly hôn và không có ý kiến đối với vấn đề hôn nhân của mình, không tham gia hòa giải tại tòa đã cho thấy mục đích của hôn nhân không đạt. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M được ly hôn với ông S theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà M và ông S có một người con chung là Lê Nguyễn Hoàng M1 sinh ngày 10/3/2022. Qua xác minh thì thấy ông S làm nghề lái xe, thường xuyên di chuyển và không có nguyện vọng nuôi con. Đối với bà M có nguyện vọng nuôi con, bà là người trực tiếp chăm sóc cho con từ nhỏ và khi đi làm cũng có người thân hỗ trợ chăm sóc nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu M1 cho bà M nuôi dưỡng, ông S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Về cấp dưỡng cho con, bà M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Chúc M phải chịu theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện T là có cơ sở chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Chúc M được ly hôn với ông Lê Hoàng S.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Nguyễn Hoàng M1, sinh ngày 10/3/2022 cho bà Nguyễn Thị Chúc M nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Ông Lê Hoàng S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở ông S thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Bà Nguyễn Thị Chúc M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003815 ngày 19/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, bà M đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND thị trấn P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thanh M2**